

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21-9-2022

V/v: “*Tranh chấp Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Mùa**

Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: **Ông Đỗ Văn Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 89/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn BGP, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn BX, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà Nguyễn Thị A và ông Lê Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 13 tháng 8 năm 2014. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về kinh tế, ông B thường hay uống rượu về đánh đập bà A và

các con, bà A không cảm nhận được sự yêu thương, lo lắng từ ông B, bà và ông B đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến đầu năm 2020. Sau đó, đến cuối năm 2020 thì vợ chồng quay lại chung sống lại với nhau nhưng vẫn không có hạnh phúc, bà A đã về sống chung với mẹ ruột từ đầu năm 2022 cho đến nay và không còn ai quan tâm đến ai. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà A và ông B có 02 người con chung là cháu Lê Thị Ái Vân, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2016 và cháu Lê Văn Thanh Minh, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2020. Sau khi ly hôn, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Lê Thị Ái Vân và nhường quyền nuôi con chung Lê Văn Thanh Minh cho ông Lê Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Lê Văn B vẫn vắng mặt không có lý do. Và qua xem xét tại hồ sơ và các tài liệu bà A cung cấp là phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 36, 39, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

Về con chung: Giao người con chung là cháu Lê Thị Ái Vân, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng; giao người con chung là cháu

Lê Văn Thanh Minh, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2020 cho ông Lê Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xác định đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” do bà Nguyễn Thị A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Lê Văn B cư trú tại: Thôn BX, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Lê Văn B vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, nên xem như ông B đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A cho thấy, bà và ông Lê Văn B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐẮK O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 13 tháng 8 năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng ông bà hạnh phúc được khoảng 02 năm. Đến đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập vợ con, bất đồng về kinh tế dẫn đến không hợp nhau, ông B không quan tâm đến gia đình, không chăm lo làm ăn, từ khi chung sống bà A không cảm nhận được sự yêu thương của chồng đối với mình và con chung của vợ chồng, vợ chồng thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2016 cho đến đầu năm 2020. Tuy nhiên, đến cuối năm 2020 thì vợ chồng ông bà lại về chung sống với nhau nhưng sau đó vẫn không hòa hợp được, đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa, bà A cho rằng bà và ông B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, bà A xác định nay không còn tình cảm với ông B. Mặc dù, tại phiên tòa không có mặt ông B nhưng bà A vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu được ly hôn với ông B. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, từ lâu không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà A và ông B có 02 người con chung là Lê Thị Ái Vân, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2016 và Lê Văn Thanh Minh, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2020. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như lời khai của bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vân và đồng ý giao con chung là cháu Minh cho ông B nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 8 năm 2022 bà A trình bày, hiện nay cháu Minh đang còn nhỏ dưới ba tuổi và do ông B đang nuôi dưỡng, bà A do điều kiện khó khăn không thể nuôi cả 02 con chung, một phần do ông B nguyện vọng muốn nuôi cháu Minh là con trai, không muốn nuôi cháu Vân là con gái. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, nghĩ cần thiết phải giao cháu Vân cho bà A và giao cháu Minh cho B tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về án phí HNGĐ sơ thẩm**: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về việc tranh chấp “Ly hôn”

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Lê Văn B.

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Lê Thị Ái Vân, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị A; giao con chung là cháu Lê Văn Thanh Minh, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2020 cho ông Lê Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm

nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006246 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- UBND xã ĐƠ
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh